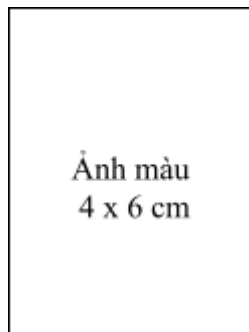


Cơ quan quản lý CBCCVC.....
Cơ quan, đơn vị sử dụng
CBCCVC.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHIẾU ĐIỀN THÔNG TIN
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

(Dùng cho phần mềm Quản lý hồ sơ CBCCVC tỉnh Bắc Giang)

Lưu ý: các mục có đánh dấu (*) là các thông tin bắt buộc phải điền đầy đủ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ CBCCVC

1. Họ và tên (*): (ghi đúng với họ và tên trong giấy khai sinh)
2. Giới tính (*): (Nam/Nữ)
3. Ngày sinh (*): (ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh đúng như trong giấy khai sinh)
4. Số hiệu công chức:
5. Số sổ bảo hiểm xã hội:
6. Mã số thuế:
7. Dân tộc (*): (ghi rõ tên dân tộc của cán bộ, công chức theo quy định của Nhà nước như: Kinh, Tày, Nùng, ...)

8. Tình trạng hôn nhân (*)

☐ Chưa kết hôn

☐ Đã kết hôn

☐ Đã ly hôn

☐ Tái hôn

9. Nơi sinh: (tên xã (hoặc phường, thị trấn), huyện (hoặc quận, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc trung ương) nơi CBCCVC được sinh ra (đúng như trong giấy khai sinh). Nếu có thay đổi địa danh đơn vị hành chính thì ghi <tên cũ>, nay là <tên mới>)

10. Nguyên quán (*): (ghi nơi sinh của cha đẻ hoặc ông nội của CBCCVC. Trường hợp đặc biệt có thể ghi theo quê quán của mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ đẻ). Ghi rõ tên xã (hoặc phường, thị trấn), huyện (hoặc quận, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc trung ương)

11. Địa chỉ nơi ở hiện nay (*): (ghi đầy đủ số nhà, đường phố, thành phố hoặc xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

12. Điện thoại di động (*):

13. Điện thoại cơ quan:

14. Email:

15. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (*):

☐ Có

☐ Không

Ngày vào đảng :

Ngày chính thức:

Số thẻ đảng viên:

Chức vụ đảng hiện nay:

Ngày bắt đầu chức vụ hiện nay:

Tổ chức đảng:

16. Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:

17. Trình độ giáo dục phổ thông (12/12 hoặc 10/12 hoặc 7/12 ...):

18. Ghi chú:

II. THÔNG TIN BIÊN CHẾ, HỢP ĐỒNG HIỆN TẠI

Loại hình biên chế/hợp đồng (*):

☐ Biên chế hành chính

☐ Biên chế sự nghiệp (nhà nước giao)

☐ Biên chế sự nghiệp (đơn vị

tự đảm bảo)

☐ Hợp đồng 68

☐ Loại hình khác:

Thời điểm bắt đầu (ngày tuyển dụng chính thức) (*):

Thời điểm kết thúc (ngày thôi việc ra khỏi biên chế, hoặc là ngày hết hạn hợp đồng):

Hình thức tuyển dụng:

☐ Thi tuyển

☐ Xét tuyển hoặc phân công

☐ Hình thức tuyển dụng khác:

Cơ quan quyết định (*):

Số, ký hiệu quyết định (*):

Ngày ban hành (*):

Lưu ý: Nếu loại hình là Biên chế hành chính, thì bắt buộc phải nhập Hình thức tuyển dụng, Cơ quan quyết định, Số quyết định, Ngày ban hành.

III. THÔNG TIN LƯƠNG, NGẠCH, BẠC HIỆN TẠI

Bảng lương:

☐ Theo nghị định 204

☐ Theo nghị định 205 hoặc trước năm 2003

Hình thức hưởng lương/ngạch hiện nay (*):

- | | |
|--|--|
| ☐ Nâng lương thường xuyên | ☐ Nâng lương trước thời hạn |
| ☐ Nâng ngạch | ☐ Chuyển ngạch |
| ☐ Thăng hạng chức danh nghề nghiệp/Chuyển chức danh nghề nghiệp | ☐ Bổ nhiệm vào ngạch |
| ☐ Hưởng lương 85% | ☐ Lương hưởng theo chức vụ/bầu cử |
| ☐ Chuyển xếp theo bảng lương mới | ☐ Lương thỏa thuận bằng tiền |
| ☐ Hạ bậc lương | ☐ Khác: |

Ngạch/Chức danh nghề nghiệp (*) (ghi rõ tên ngạch/CDNN)

Hạng:.....Mã số:.....

Bậc lương (*):

Hệ số lương (*):

Thời điểm hưởng lương (*):

- Nếu hình thức là “Lương thỏa thuận bằng tiền” thì ghi thêm:

Số tiền được hưởng:VNĐ

- Nếu hình thức là: Chuyển ngạch hoặc Bổ nhiệm vào ngạch hoặc Thăng hạng chức danh nghề nghiệp/Chuyển chức danh nghề nghiệp thì nhập thêm:

Thời điểm tính để xét nâng bậc lương lần sau từ (ngày/tháng/năm):

IV. THÔNG TIN CÔNG TÁC HIỆN TẠI

1. Thông tin công tác

Cơ quan hiện đang công tác (*):.....

Thời điểm bắt đầu công tác (*):

Chức vụ (*):

Công việc chính được giao:.....

Lưu ý: Các trường hợp là Nhân viên hoặc Giáo viên, không phải là chức vụ thì để trống.

Hệ số phụ cấp chức vụ:

Thời điểm bổ nhiệm/phân công nhiệm vụ chức vụ/ chức danh:

Phòng công tác (nếu có):

Hình thức phân công/bổ nhiệm (*):

- | | | |
|--|--|--|
| ☐ Điều động theo nhiệm vụ | ☐ Chuyển đổi vị trí ND158 | ☐ Phân công lần đầu |
| ☐ Bổ nhiệm mới | ☐ Bổ nhiệm lại | ☐ Điều động và bổ nhiệm |
| ☐ Miễn nhiệm | ☐ Kéo dài thời gian đến tuổi nghỉ hưu | |
| ☐ Từ chức | ☐ Phân công nhiệm vụ | ☐ Bầu cử |
| ☐ Hình thức khác | | |

Nếu có chức vụ thì ghi rõ thêm Cách thức bổ nhiệm:

- | | |
|---|------------------------------------|
| ☐ Bổ nhiệm truyền thống (thực hiện theo quy trình) | |
| ☐ Thi tuyển chức danh lãnh đạo | ☐ Khác..... |

2. Thông tin kiêm nhiệm/biệt phái (nếu có)

- | | |
|-------------------------------------|------------------------------------|
| ☐ Kiêm nhiệm | ☐ Biệt phái |
|-------------------------------------|------------------------------------|

Đơn vị kiêm nhiệm/biệt phái:

Phòng (nếu có):

Chức vụ:

Thời điểm bắt đầu kiêm nhiệm/biệt phái:

V. THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ HIỆN TẠI CAO NHẤT

1. Trình độ chuyên môn

Trình độ chuyên môn cao nhất (*):

- | | | | | |
|---|---|--|----------------------------------|-----------------------------------|
| ☐ Tiến sĩ | ☐ Tiến sĩ khoa học | ☐ Thạc sĩ | ☐ Đại học | ☐ Cao đẳng |
| ☐ Trung cấp | ☐ Trung học nghề | ☐ Trung học chuyên nghiệp | ☐ Sơ cấp | |
| ☐ Bác sĩ chuyên khoa 1 | ☐ Bác sĩ chuyên khoa 2 | ☐ Bác sĩ nội trú | | |
| ☐ Dược sĩ chuyên khoa 1 | ☐ Dược sĩ chuyên khoa 2 | | | |
| ☐ Điều dưỡng chuyên khoa 1 | ☐ Điều dưỡng chuyên khoa 2 | | | |
| ☐ Chưa qua đào tạo | | | | |

Trường đào tạo (*):

Chuyên ngành đào tạo (*):

Năm tốt nghiệp (*):

Hình thức đào tạo (*):

- | | | | | |
|--|--|---|---|--------------------------------|
| ☐ Chính quy | ☐ Tại chức | ☐ Tập trung | ☐ Mở rộng | ☐ Từ xa |
| ☐ Chuyên tu | ☐ Dài hạn | ☐ Dài hạn hợp đồng | ☐ Tại chức dài hạn | |
| ☐ Dài hạn tập trung | ☐ Vừa làm vừa học | ☐ Chính quy liên thông | | |
| ☐ Hình thức khác: | | | | |

Xếp loại tốt nghiệp (*):

- | | | |
|---|-------------------------------------|------------------------------|
| ☐ Xuất sắc | ☐ Giỏi | ☐ Khá |
| ☐ Trung bình khá | ☐ Trung bình | ☐ Yếu |

Nước đào tạo (*):

2. Bồi dưỡng nghiệp vụ

a. Lý luận chính trị (LLCT):

- | | | | |
|------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| ☐ Tiến sĩ | ☐ Thạc sĩ | ☐ Đại học | ☐ Sơ cấp |
| ☐ Trung cấp | ☐ Cao cấp | ☐ Cử nhân | |

Năm tốt nghiệp LLCT:

b. Quản lý nhà nước (QLNN):

- | |
|---|
| ☐ Bồi dưỡng Cán sự và tương đương |
| ☐ Bồi dưỡng Chuyên viên và tương đương |
| ☐ Bồi dưỡng Chuyên viên chính và tương đương |
| ☐ Bồi dưỡng Chuyên viên cao cấp và tương đương |

Năm tốt nghiệp QLNN:

c. Tin học (TH):

- ☐ A ☐ B ☐ C ☐ Chứng chỉ 112 ☐ Tin học văn phòng
☐ Kỹ thuật viên ☐ Lập trình viên ☐ Lập trình viên quốc tế
☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Thạc sĩ ☐ Tiến sĩ
☐ Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao
☐ Cơ bản (Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản TT03) ☐ Nâng cao (TT03) ☐ Khác

Năm tốt nghiệp TH:

d. Quản lý kinh tế (QLKT):

- ☐ 1 tháng ☐ 3 tháng ☐ 6 tháng ☐ 1 năm ☐ 2 năm

Năm tốt nghiệp QLKT:

e. Quốc phòng - An ninh (QPAN):

- ☐ Đối tượng 1 ☐ Đối tượng 2 ☐ Đối tượng 3 ☐ Đối tượng 4 ☐ Đối tượng 5

Năm tốt nghiệp QPAN:

f. Thanh tra (TT):

- ☐ Thanh tra viên ☐ Thanh tra viên chính ☐ Thanh tra viên cao cấp

Năm tốt nghiệp TT:

g. Tiếng Anh (TA):

- ☐ A ☐ B ☐ C ☐ A1 ☐ A2 ☐ B1 ☐ B2 ☐ C1 ☐ C2
☐ Bậc 1 ☐ Bậc 2 ☐ Bậc 3 ☐ Bậc 4 ☐ Bậc 5 ☐ Bậc 6
☐ TOEIC ☐ TOEFL ☐ IELTS
☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Thạc sĩ ☐ Tiến sĩ

Năm tốt nghiệp TA:

h. Ngoại ngữ khác (NNK): ☐ Có ☐ Không

Tên ngoại ngữ:

- ☐ Pháp ☐ Nga ☐ Đức ☐ Trung ☐ Nhật ☐ Thái ☐ Ý ☐ Hàn
☐ Khác:

Trình độ:

Năm tốt nghiệp:

k. Ngôn ngữ tiếng dân tộc:

Tên tiếng dân tộc:

Năm nhận chứng chỉ tiếng dân tộc:

i. Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý:

- ☐ Cấp Phòng ☐ Cấp Sở ☐ Cấp Huyện

VI. QUÁ TRÌNH BIÊN CHẾ, HỢP ĐỒNG

Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	Loại hình BC/HĐ	Hình thức tuyển dụng	Số QĐ (Số, ký hiệu)	Cơ quan quyết định	Ngày ban hành

VII. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1. Các đơn vị, phòng, chức vụ đã từng công tác

Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	Cơ quan, địa phương, Đơn vị	Phòng (nếu có)	Chức vụ (Ghi rõ hình thức và cách thức bổ nhiệm chức vụ)

2. Quá trình công tác nước ngoài

Từ ngày	Đến ngày	Nơi công tác	Nội dung	Lý do	Quốc gia công tác

3. Quá trình kiêm nhiệm, biệt phái

Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	Cơ quan, địa phương, đơn vị	Phòng (nếu có)	Kiểm nhiệm/ Biệt phái	Chức vụ

VIII. QUÁ TRÌNH LƯƠNG, PHỤ CẤP

1. Quá trình lương

Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	Hình thức hưởng lương	Ngạch	Bậc	Hệ số	Vượt khung

2. Quá trình phụ cấp

Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc	Loại phụ cấp (Thâm niên, Trách nhiệm, Chức vụ, Kiêm nhiệm, Thâm niên nghề, Ưu đãi, Thu hút...)	Hệ số/ Phần trăm/ Số tiền phụ cấp	Số QĐ	Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc

IX. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Quá trình đào tạo chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ...)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Trường	Hình thức	Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp	Nước đào tạo	Số văn bằng (nếu có)	QĐ cử đi học (nếu có)

2. Quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ (Tin học, Ngoại ngữ, Quốc phòng an ninh, Lý luận chính trị, Quản lý nhà nước...)

Năm	Tên trường	Loại trình độ	Trình độ	Chuyên ngành	Loại tốt nghiệp	Số văn bằng, chứng chỉ (nếu có)	QĐ cử đi học (nếu có)

Hướng dẫn điền thông tin loại trình độ, trình độ và chuyên ngành:

Loại trình độ	Trình độ	Chuyên ngành
Tin học	A, B, C, Kỹ thuật viên, Tin học văn phòng, Lập trình viên quốc tế, Lập trình viên, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chứng chỉ 112, , Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao, Cơ	

	<i>bản (Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản TT03), Nâng cao (TT03), Khác</i>	
<i>Quốc phòng an ninh</i>	<i>Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5</i>	
<i>Lý luận chính trị</i>	<i>Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp, Cử nhân, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ</i>	
<i>Quản lý nhà nước</i>	<i>Chuyên viên, Chuyên viên chính, Chuyên viên cao cấp, Thạc sĩ, Đại học, Trung – Cao cấp, Trung cấp hành chính, Cán sự</i>	
<i>Ngoại ngữ</i>	<i>A, B, C, Toeic, Ielts, Toefl, A1, A2, B1, B2, C1, C2, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3, Bậc 4, Bậc 5, Bậc 6</i>	<i>Anh</i>
	<i>DELF, DALF C1, DALF C2</i>	<i>Pháp</i>
	<i>A1, A2, B, B1, B2</i>	<i>Đức</i>
	<i>A, B, C</i>	<i>Nga</i>
	<i>Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp</i>	<i>Nhật</i>
	<i>Sơ cấp, Trung cấp, Cao cấp</i>	<i>Trung</i>
<i>Tiếng dân tộc</i>	<i>Tên dân tộc theo quy định của Nhà nước như: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông, Ê đê, Kh'me...</i>	
<i>Quản lý kinh tế</i>	<i>1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, 2 năm</i>	
<i>Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý</i>	<i>Cấp Phòng, Cấp Sở, Cấp Huyện</i>	

3. Quá trình tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn

Từ ngày	Đến ngày	Tên lớp	Đơn vị đào tạo	Số ngày tham gia

4. Quá trình học phổ thông (Tiểu học, THCS, Trung học phổ thông/Bỏ túc trung học)

Từ năm	Đến năm	Trường	Trình độ	Từ lớp	Đến lớp

--	--	--	--	--	--

X. QUÁ TRÌNH KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

1. Quá trình khen thưởng

Từ ngày	Đến ngày	Hình thức - lý do khen thưởng - Huân chương - Huy chương - Kỷ niệm chương - Bằng khen - Giấy khen - Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh/thành phố - Chiến sĩ thi đua cơ sở	Ngày quyết định	Số quyết định (Số, ký hiệu)	Cơ quan Quyết định

2. Quá trình kỷ luật

Từ ngày	Đến ngày	Hình thức - lý do kỷ luật - Cảnh cáo - Đình chỉ công tác - Khai trừ khỏi đảng - Hạ bậc lương - Khiển trách - Hạ ngạch - Cách chức - Buộc thôi việc Đối với các hình thức kỷ luật phải kéo dài thời gian nâng lương, cần nhập thêm: "Số tháng kéo dài nâng bậc lương thường xuyên"	Ngày quyết định	Số quyết định (Số, ký hiệu)	Cơ quan Quyết định

--	--	--	--	--	--

XI. THÔNG TIN HỒ SƠ NHÂN THÂN

1. Quan hệ gia đình - Về bản thân, vợ (hoặc chồng) và các con

Mối quan hệ (vợ, chồng, con, con nuôi)	Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử (có bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền không); hiện đang làm gì (ghi rõ chức vụ hoặc chức danh nếu có, tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác ở trong hoặc ngoài nước), nơi cư trú

2. Quan hệ gia đình, thân tộc - Ông, Bà (nội, ngoại), Cha, Mẹ, Anh chị em ruột

Mối quan hệ (cha, mẹ, anh, chị, em, cha nuôi, cha dượng, mẹ nuôi, mẹ kế, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại)	Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử (có bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền không); hiện đang làm gì (ghi rõ chức vụ hoặc chức danh nếu có, tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác ở trong hoặc ngoài nước), nơi cư trú

3. Quan hệ gia đình, thân tộc - Ông, Bà (nội, ngoại), Cha, Mẹ, Anh chị em ruột của bên vợ (hoặc bên chồng)

Mối quan hệ (cha vợ/cha chồng, mẹ vợ/mẹ chồng, anh vợ/anh chồng, chị vợ/chị chồng, em vợ/em chồng, ông nội vợ/ông nội chồng, bà nội vợ/bà nội chồng, ông ngoại vợ/ông ngoại chồng, bà ngoại vợ/bà ngoại chồng, người nuôi dưỡng vợ (hoặc chồng))	Họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, đặc điểm lịch sử (có bị bắt, bị tù, làm việc trong chế độ cũ, nguy quân, nguy quyền không); hiện đang làm gì (ghi rõ chức vụ hoặc chức danh nếu có, tên và địa chỉ cơ quan, đơn vị công tác ở trong hoặc ngoài nước), nơi cư trú

XII. QUÁ TRÌNH ĐẢNG, ĐOÀN, ĐOÀN THỂ KHÁC

1. Quá trình công tác Đảng

Từ ngày	Đến ngày	Tổ chức đảng	Chức vụ đảng (nếu có)

2. Thông tin Đoàn TNCSHCM

Ngày vào Đoàn TNCSHCM:

Nơi vào Đoàn:

3. Quá trình công tác Đoàn TNCSHCM

Từ ngày	Đến ngày	Tổ chức đoàn	Chức vụ đoàn (nếu có)

4. Quá trình tham gia đoàn thể khác (Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội LHPN, ...)

Từ ngày	Đến ngày	Tổ chức đoàn thể	Chức vụ (nếu có)

XIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin người liên hệ khi cần cần thiết: (người thân của CBCCVC)

Họ và tên:

Số điện thoại:

Địa chỉ:

2. Họ và tên thường dùng (của CBCCVC):

3. Số CMND:

Ngày cấp:

Nơi cấp (tỉnh/thành):

4. Số thẻ căn cước công dân:

Ngày cấp thẻ căn cước:

Nơi cấp thẻ căn cước:

5. Tôn giáo: (theo tôn giáo nào thì ghi tên tôn giáo đó: Công giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo,... Nếu không theo tôn giáo nào, thì không được bỏ trống mà ghi là “Không”)

6. Hộ khẩu thường trú: (ghi rõ: phường/xã; quận/huyện; tỉnh/thành phố)

7. Điện thoại cố định:

8. Đại biểu QH, HĐND:

☐ ĐB Quốc hội ☐ ĐB HĐND tỉnh ☐ ĐB HĐND cấp huyện ☐ ĐB HĐND cấp xã

9. Thành phần xuất thân:

10. Ngày tham gia lực lượng vũ trang: Ngày xuất ngũ:

Cấp bậc cao nhất:

Chức vụ cao nhất:

11. Danh hiệu phong tặng:

Năm phong tặng:

- | | |
|--|--|
| ☐ Anh hùng lao động | ☐ Anh hùng lực lượng vũ trang |
| ☐ Nhà giáo nhân dân | ☐ Nhà giáo ưu tú |
| ☐ Nghệ sĩ nhân dân | ☐ Nghệ sĩ ưu tú |
| ☐ Thầy thuốc nhân dân | ☐ Thầy thuốc ưu tú |
| ☐ Nghệ nhân nhân dân | ☐ Nghệ nhân ưu tú |
| ☐ Giải thưởng Hồ Chí Minh | ☐ Giải thưởng Nhà nước |
| ☐ Bà mẹ Việt Nam anh hùng | |

12. Đối tượng hưởng chính sách:

- | | |
|--|--|
| ☐ Anh hùng LLVT | ☐ Anh hùng lao động |
| ☐ Gia đình liệt sĩ | ☐ Bà mẹ Việt nam Anh hùng |
| ☐ Thương binh | ☐ Con thương binh |
| ☐ Con bệnh binh | ☐ Con người có công với cách mạng |
| ☐ Thương binh hạng 1 có thương tật đặc biệt | ☐ Người hưởng chính sách như thương binh |
| ☐ Bệnh binh | ☐ Bệnh binh hạng 1 có thương tật đặc biệt |
| ☐ Người tham gia kháng chiến | ☐ Người có công với cách mạng |
| ☐ Quân nhân bị bệnh nghề nghiệp | ☐ Quân nhân bị tai nạn lao động |

☐ Lão thành cách mạng

☐ Bị địch bắt tù đầy

13. Chiều cao (cm):

14. Cân nặng (kg):

15. Sức khỏe:

16. Nhóm máu:

☐ Tốt

☐ Bình thường

☐ O

☐ AB

☐ Yếu

☐ Có bệnh mãn tính

☐ A

☐ B

☐ Loại I

☐ Loại II

☐ Loại III

☐ Loại IV

17. Thương binh loại:

☐ Thương binh 1/4

☐ Thương binh 2/4

☐ Thương binh 3/4

☐ Thương binh 4/4

☐ Bệnh binh

18. Hình thức thương tật:

19. Số sổ thương tật:

20. Khuyết tật:

21. Năng lực sở trường:

☐ Hông tay phải

☐ Lãnh đạo, chỉ huy

☐ Hông tay trái

☐ Xây dựng chế độ, chính sách

☐ Hông chân phải

☐ Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp

☐ Hông chân trái

☐ Tổ chức triển khai thực hiện

☐ Hông cả hai chân

☐ Tuyên truyền, vận động

☐ Hông mắt phải

☐ Thanh tra, kiểm tra

☐ Hông mắt trái

☐ Phát minh, sáng kiến trong chuyên môn nghiệp vụ

22. Năng lực sở trường khác:

23. Bị bắt, bị tù, chế độ cũ (nếu có):

24. Tham gia tổ chức nước ngoài (nếu có):

25. Thân nhân ở nước ngoài (nếu có):

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm 202...

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ tên)